

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH PHÚ THỌ
**TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ
DÂN TỘC NỘI TRÚ PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Sơn, ngày 07 tháng 9 năm 2025

Số: 359/TB-TCNDTNT

THÔNG BÁO

**V/v Thực hiện chế độ chính sách miễn, giảm học phí, chính sách nội trú,
trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025-2026**

Căn cứ Nghị định số 238/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực đào tạo;

Thông tư số 05/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/6/2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành danh mục ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc quy định mức thu học phí năm học 2021 - 2022 đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học Cao đẳng, Trung cấp; Văn bản hợp nhất số 1546/VBHN-BLĐTBXH ngày 12/4/2024 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học Cao đẳng, trung cấp;

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập; Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập. Thi hành Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997; Quyết định số 13/2002/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 28/3/2002 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 194/2001-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường công lập quy định tại Quyết định số 1121/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ.

Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Phú Thọ thông báo đến học sinh thông tin như sau:



I. Miễn, giảm học phí

Mức thu học phí năm học 2025 - 2026 được quy định tại Quyết định số 390/QĐ-TCNDTNT ngày 07/9/2025 của Hiệu Trưởng Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Phú Thọ về việc Ban hành mức thu học phí đào tạo trình độ trung cấp năm học 2025 - 2026.

1. Đối tượng và hồ sơ:

STT	Đối tượng được hưởng	Hồ sơ yêu cầu	Mức hưởng
	Đối tượng 1: - Học sinh thuộc các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; - Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.	Miễn học phí
	Đối tượng 2: Học sinh là người khuyết tật	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; - Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy xác nhận khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp.	Miễn học phí
	Đối tượng 3: Học sinh là người học các trình độ trung cấp mô côì cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; - Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Quyết định về việc trợ cấp xã hội hoặc Xác nhận mô côì.	Miễn học phí
	Đối tượng 4: Học sinh hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; - Quyết định đi học theo chế độ cử tuyển của cấp có thẩm quyền đối với thí sinh cử tuyển.	Miễn học phí

Đối tượng 5: Học sinh người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; - Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy xác nhận Hộ nghèo hoặc cận nghèo do UBND xã cấp.	Miễn học phí
Đối tượng 6: Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định của Chính phủ ở vùng có điều kiện KT-XH khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; - Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy khai sinh.	Miễn học phí
Đối tượng 7: Học sinh là người tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp.	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; - Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc giấy xác nhận tốt nghiệp tạm thời hoặc xác nhận học bạ hoàn thành chương trình THCS của Hiệu trưởng.	Miễn học phí
Đối tượng 8: Học sinh học một số nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với giáo dục nghề nghiệp theo danh mục các nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề ở trung ương quy định.	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí.	Giảm 70% học phí

Đối tượng 9: Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số (ngoài dân tộc rất ít người) mà bản thân và cha mẹ ở thôn/ bản ĐB khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc miền núi, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí.	Giảm 70% học phí
Đối tượng 10: Học sinh có cha hoặc mẹ bị tan nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp hưởng trợ cấp thường xuyên	- Quyết định hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do BHXH cấp.	Giảm 50% học phí

2. Quy định về miễn, giảm học phí

- Việc miễn, giảm học phí sẽ được thực hiện trong suốt thời gian học tập tại nhà trường
- Việc miễn, giảm học phí cho học sinh được thực hiện tại trường nơi học sinh đang học tập.
- Tất cả các đối tượng được hưởng miễn, giảm học phí chỉ làm hồ sơ một lần trong suốt khóa học, học sinh chỉ làm lại hồ sơ khi có thay đổi về đối tượng, phạm vi áp dụng.
- Học sinh thuộc diện được miễn, giảm học phí mà cùng một lúc học ở nhiều trường thì chỉ được hưởng chế độ ưu đãi về miễn, giảm học phí tại một trường duy nhất.
- Thời gian học sinh bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung thì sẽ không được tính trong dự toán để cấp bù tiền miễn, giảm học phí.
- Chỉ áp dụng chế độ miễn, giảm học phí đối với các môn học lần một theo chương trình học, không áp dụng cho các môn học lại, học cải thiện, cũng như chỉ áp dụng đối với 2 học kỳ chính, không áp dụng đối với học kỳ hè và học kỳ dự thính (nếu có).

II. Chính sách nội trú, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập

1. Đối tượng, hồ sơ và mức hưởng:

STT	Đối tượng được hưởng	Hồ sơ yêu cầu	Mức hưởng (Mức lương cơ sở hiện hành 2.340.000đ)
	Đối tượng 1: Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người khuyết tật	- Đơn đề nghị cấp chính sách nội trú. - Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có mang bản chính để đối chiếu: giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp.	Hưởng 100% mức lương cơ sở
	Đối tượng 2: Học sinh, sinh viên tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú	- Đơn đề nghị cấp chính sách nội trú. - Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có mang bản chính để đối chiếu: Bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời.	Hưởng 80% mức lương cơ sở
	Đối tượng 3: Học sinh, sinh viên người dân tộc Kinh là người khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo	- Đơn đề nghị cấp chính sách nội trú. - Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có mang bản chính để đối chiếu: Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp; giấy xác nhận của UBND xã về việc sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế ĐBKK.	Hưởng 80% mức lương cơ sở
	Đối tượng 4: Học sinh, sinh viên người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo	- Đơn đề nghị cấp chính sách nội trú. - Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có mang bản chính để đối chiếu: Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.	Hưởng 60% mức lương cơ sở

Học sinh là người dân tộc ít người ở vùng cao	- Đơn đề nghị hưởng trợ cấp xã hội. - Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có mang bản chính để đối chiếu: Giấy khai sinh; sổ hộ khẩu (minh chứng ở vùng cao 3 năm trở lên).	Trợ cấp 140.000đ/tháng
Học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa	- Đơn đề nghị hưởng trợ cấp xã hội. - Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có mang bản chính để đối chiếu: giấy xác nhận mồ côi của cơ quan thương binh xã hội cấp quận, huyện, thị xã.	Trợ cấp 140.000đ/tháng
Học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học (người mà gia đình thuộc diện xoá đói giảm nghèo).	- Đơn đề nghị hưởng trợ cấp xã hội. - Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có mang bản chính để đối chiếu: giấy chứng nhận là hộ nghèo.	

2. Quy định về Chính sách nội trú, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập

- Mỗi học sinh chỉ được hỗ trợ 01 lần khi tham gia chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo chính sách quy định tại Quyết định này.

- Trường hợp học sinh thuộc đối tượng được hưởng nhiều chính sách cùng lúc thì chỉ được hưởng một chính sách cao nhất hoặc học đồng thời ở nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp thì chỉ được hưởng chính sách ở một cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Trong một năm học, các loại chế độ của học sinh được cấp đủ 12 tháng. Đối với các chương trình đào tạo có thời gian dưới 01 năm hoặc có thời gian học năm cuối không đủ 12 tháng thì học bổng chính sách được cấp theo số tháng thực học của năm học đó.

- Học sinh không được hưởng học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác trong các trường hợp sau:

+ Bị kỷ luật buộc thôi học hoặc nghỉ học do ốm đau, tai nạn không thể tiếp tục theo học. Thời gian không được hưởng chính sách nội trú tính từ ngày quyết định buộc thôi học hoặc quyết định nghỉ học có hiệu lực.

+ Trong thời gian bị đình chỉ học tập (có thời hạn), trừ trường hợp dừng học do ốm đau, tai nạn, học lại hoặc dừng học vì lý do khách quan được nhà trường xác nhận.

+ Trong thời gian bị tạm giam, tạm giữ.

III. Các văn bản tra cứu liên quan

- Tra cứu thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền:

- Quyết định 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

- Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

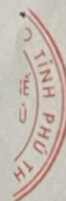
- Quyết định số 576/QĐ-TTg ngày 22/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ công nhận 09 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.

- Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn.

- Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 19/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Ủy ban Dân tộc (nay là Bộ Dân tộc và Tôn giáo) phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh tên huyện, xã, thôn đặc biệt khó khăn; thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.



• Công văn số 296/BDTTG-CS ngày 10/04/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với đơn vị hành chính cấp xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại.

• Các quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới về phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi (nếu có).

- Các biểu mẫu kèm theo:

Trên đây là thông báo về thực hiện chế độ chính sách miễn, giảm học phí, chính sách nội trú, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025-2026 của trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Phú Thọ, thông báo đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về nhà trường (qua phòng HC-TS-ĐT) để được hướng dẫn, giải đáp.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- BGH;
- Các phòng, khoa;
- Đăng WebSite trường;
- Lưu VT, ĐT. *PC*

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Thị Minh Thức

(1) Đơn đề nghị miễn, giảm học phí kèm theo Nghị định 238/NĐ/2025-CP ngày 03/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

(Dùng cho học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập)

Kính gửi: **Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Phú Thọ**

Họ và tên:.....

Số Căn cước công dân:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Lớp:..... Khóa:..... Khoa:.....

Mã số sinh viên:.....

Thuộc đối tượng: Người tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp. *(Quy định tại khoản 12 Điều 15 Nghị định số 238//2025/NĐ-CP)*

Căn cứ vào Nghị định số 238//2025/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét để được miễn, giảm học phí theo quy định hiện hành.

..., ngày... tháng ... năm...

Người làm đơn

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

(2). Đơn đề nghị cấp chính sách nội trú: Mẫu số 110 kèm theo Văn bản hợp nhất
Số: 1546/VBHN-BLDTBXH ngày 12/4/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHÍNH SÁCH NỘI TRÚ

(Dùng cho HS, SV đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập)

Kính gửi: **Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Phú Thọ**

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

.....

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân

dân:.....

cấp ngày.....tháng.....năm..... nơi cấp.....

Lớp:Khóa:Khoa:

Mã số học sinh, sinh viên:

Thuộc đối tượng: *(ghi rõ đối tượng được quy định tại Điều 2 Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp).*

Căn cứ Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét đề cấp chính sách nội trú theo quy định.

Xác nhận của Khoa

(Quản lý học sinh, sinh viên)

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

(3). Đơn xin hưởng chế độ trợ cấp xã hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN HƯỞNG CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP XÃ HỘI

Kính gửi: Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Phú Thọ

Họ và tên: Ngày, tháng, năm sinh:

Hộ khẩu thường trú:

Hiện đang học Lớp:Khóa:Khoa:

Thuộc đối tượng: Là học sinh dân tộc thiểu số sinh sống tại xã miền núi, vùng cao có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

Căn cứ vào Thông tư số 53/1998/TTLT - BGD&ĐT - BTC - BLĐTBXH ngày 25/8/1998 của Liên tịch Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Tài chính – Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Thông tư số: 13/2002/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2002. Em làm đơn này đề nghị được xem xét, giải quyết để được hưởng tiền trợ cấp xã hội theo quy định!

Thanh Sơn, ngày tháng ... năm

Xác nhận của Khoa chuyên môn

Người làm đơn